

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 217-HĐBT ngày 8-8-1985 ban hành quy chế về giao thầu và nhận thầu trong xây dựng cơ bản.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản;

Căn cứ nghị quyết số 166-HĐBT ngày 15-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến quản lý xây dựng cơ bản;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Ban hành kèm theo quyết định này « Quy chế về giao thầu và nhận thầu trong xây dựng cơ bản ».

Điều 2. — Quy chế này áp dụng thống nhất trong cả nước kể từ ngày ban hành.

Những quy định trước đây về giao thầu và nhận thầu trong xây dựng cơ bản trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
ĐỖ MƯỜI

QUY CHẾ

Về giao thầu và nhận thầu trong xây dựng cơ bản (Ban hành theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 217-HĐBT ngày 8-8-1985)

Quy chế này quy định cụ thể chế độ giao thầu và nhận thầu trong xây dựng cơ bản (gọi tắt là giao, nhận thầu xây dựng), quan hệ trách nhiệm vật chất, nghĩa vụ và quyền hạn của các bên giao thầu, nhận thầu theo những nguyên tắc quản lý xây dựng cơ bản và chế độ hợp đồng kinh tế của Nhà nước, nhằm tăng cường trách nhiệm và đề cao quyền chủ động của các tổ chức cơ sở trong sản xuất — kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư và xây dựng.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Chế độ hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng.

Việc khảo sát, lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật, thiết kế, xây — lắp công trình xây dựng (bao gồm các công trình xây dựng mới, mở rộng, cải tạo) thuộc vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở các cấp đều phải tiến hành thông qua giao, nhận thầu bằng hợp đồng kinh tế (gọi là hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng).

Khi chưa có hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng hợp lệ thì quan hệ kinh tế giữa các bên giao thầu và nhận thầu chưa bị ràng buộc.

Điều 2. — Hình thức giao, nhận thầu.

Việc giao thầu và nhận thầu xây dựng có thể thực hiện dưới các hình thức sau:

1. Giao, nhận thầu xây dựng toàn bộ công trình (gọi tắt là tổng thầu xây dựng): chủ đầu tư giao thầu cho một tổ chức xây dựng tất cả các khâu từ khảo sát, thiết kế

đến xây — lắp hoàn chỉnh công trình trên cơ sở luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt.

Chủ đầu tư có thể ủy nhiệm những việc của mình như: lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật, đặt mua thiết bị, giải phóng mặt bằng cho tổng thầu xây dựng.

2. Giao, nhận thầu xây dựng từng phần:

Chủ đầu tư giao thầu từng phần cho:

— Một tổ chức xây dựng nhận thầu lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật của công trình (bao gồm cả việc điều tra, khảo sát để lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật).

— Một tổ chức thiết kế nhận thầu khảo sát, thiết kế toàn bộ công trình từ bước thiết kế kỹ thuật và lập tổng dự toán đến bước lập bản vẽ thi công và làm dự toán hạng mục công trình (gọi tắt là tổng thầu thiết kế).

— Một tổ chức xây dựng nhận thầu tất cả công tác chuẩn bị xây — lắp và xây lắp toàn bộ công trình trên cơ sở thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế kỹ thuật — thi công) được duyệt (gọi tắt là tổng thầu xây — lắp).

— Nhiều tổ chức xây dựng nhận thầu gọn từng phần với chủ đầu tư như: xây — lắp từng nhóm hạng mục công trình độc lập; từng phần công tác khảo sát, thiết kế; cả khảo sát, thiết kế và xây — lắp một nhóm hạng mục công trình độc lập (gọi tắt là nhận thầu trực tiếp).

Điều 3. — Lựa chọn hình thức giao nhận thầu.

Chủ đầu tư và những tổ chức nhận thầu được quyền lựa chọn (kể cả thông qua đấu thầu) hình thức giao nhận thầu thích hợp theo sự thỏa thuận của các bên.

Kết quả lựa chọn hình thức giao, nhận thầu và tổ chức xây dựng nhận thầu (trong trường hợp đấu thầu) được đưa vào kế hoạch giao, nhận thầu xây dựng các cấp. Trường hợp không lựa chọn được thì giao cho ¹⁾ có thẩm quyền quyết định và

đưa vào kế hoạch giao, nhận thầu xây dựng.

Điều 4. — Giao thầu lại.

Các tổ chức tổng thầu và nhận thầu trực tiếp được quyền giao thầu lại những phần việc cho các tổ chức xây dựng khác và chịu trách nhiệm với chủ đầu tư về những phần công việc đó.

Điều 5. — Đấu thầu xây dựng.

1. Bên giao thầu có thể thông qua đấu thầu để lựa chọn tổ chức nhận thầu và hình thức giao nhận thầu thích hợp nhất.

2. Đấu thầu được áp dụng đối với mọi hình thức giao nhận thầu quy định ở điều 2 và điều 4 của quy chế này.

3. Điều kiện để tổ chức đấu thầu:

— Bên giao thầu phải có đủ vốn đầu tư và điều kiện vật chất bảo đảm việc thực hiện phương án giao thầu dự kiến; bên dự thầu phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chuyên môn, có kinh nghiệm tổ chức sản xuất và có đủ cơ sở vật chất — kỹ thuật bảo đảm thực hiện phương án dự thầu. Bên dự thầu có thể là các tổ chức: khảo sát, thiết kế, xây — lắp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh, hợp tác xã xây dựng, nhà máy chế tạo thiết bị, cung ứng thiết bị, vật tư, cấu kiện cho xây dựng...

— Hồ sơ kinh tế — kỹ thuật của công trình, hạng mục công trình hoặc của từng công việc xây dựng đưa ra đấu thầu được công bố trước, để các bên dự thầu có căn cứ và thời gian tính toán phương án nhận thầu.

4. Các chỉ tiêu đặt thầu:

— Việc xác định giá đặt thầu, được tính toán trên cơ sở: vốn đầu tư trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật (đối với tổng thầu xây dựng và tổng thầu thiết kế), tổng dự toán xây — lắp công trình (đối với tổng thầu xây — lắp), dự toán từng phần trong tổng dự toán (đối với nhận thầu trực tiếp), dự toán xây — lắp hạng mục công trình, dự toán khảo sát, thiết kế (đối

với giao thầu lại). Tùy theo trường hợp cụ thể, giá đặt thầu có thể tăng trong khuôn khổ các nguồn vốn của bên đặt thầu theo những quy định Nhà nước.

— Thời hạn hoàn thành, phải khớp với tổng tiến độ xây dựng công trình được duyệt.

— Chất lượng công việc, quy định cho từng đối tượng cụ thể theo quy phạm xây dựng hiện hành và theo yêu cầu của bên giao thầu (nếu có).

5. Phương án nhận thầu được chọn phải là phương án đưa lại hiệu quả kinh tế cao, thể hiện ở các mặt: bảo đảm thời hạn xây dựng, chất lượng công trình, giá xây dựng...

II. HỢP ĐỒNG GIAO, NHẬN THẦU XÂY DỰNG

Điều 6. — Các loại hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng.

1. Hợp đồng xây dựng toàn bộ công trình giữa chủ đầu tư với tổng thầu xây dựng.

2. Hợp đồng xây dựng từng phần, bao gồm:

— Hợp đồng xây — lắp toàn bộ công trình giữa chủ đầu tư với tổng thầu xây — lắp.

— Hợp đồng thiết kế giữa chủ đầu tư (hoặc tổng thầu xây dựng) với tổng thầu thiết kế.

— Hợp đồng khảo sát, thiết kế, xây — lắp từng phần giữa chủ đầu tư với các tổ chức xây dựng.

3. Hợp đồng giao thầu lại giữa tổng thầu xây dựng, tổng thầu thiết kế, tổng thầu

xây — lắp hoặc các tổ chức nhận thầu từng phần khác với các tổ chức xây — lắp và các tổ chức khảo sát, thiết kế nhận thầu lại.

Điều 7. — Những nguyên tắc lập và ký hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng.

1. Các loại hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng (sau đây gọi tắt là hợp đồng) đều được lập và ký kết trực tiếp giữa bên giao thầu với bên nhận thầu theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao. Mỗi bên giao thầu và nhận thầu phải là tổ chức có tư cách pháp nhân. Hợp đồng là căn cứ chính để xác định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm vật chất của các bên trong quá trình thực hiện.

Đối với các hợp đồng có giá trị thực hiện nhiều năm thì hàng năm (kể từ năm thứ 2 trở đi) các bên phải ký kết hợp đồng năm để cụ thể hóa khối lượng công việc, trách nhiệm, quyền lợi của từng bên trong năm hợp đồng và bảo đảm thực hiện mục tiêu của tổng tiến độ xây dựng.

Khi có những khối lượng công việc phát sinh hợp lý hoặc Nhà nước thay đổi giá cả, tiền lương... thì các bên được ký bổ sung vào hợp đồng những điều khoản thích hợp.

2. Hợp đồng phải định rõ phạm vi trách nhiệm của từng bên, trên các mặt: khối lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành, giá cả, phương thức thanh toán, các điều kiện vật chất — kỹ thuật bảo đảm, quyền lợi và trách nhiệm vật chất của mỗi bên trong quá trình thực hiện.

3. Văn bản hợp đồng được làm theo mẫu hướng dẫn do Ủy ban Xây dựng cơ

bản Nhà nước ban hành và phải có đủ: số lượng bản chính gửi cho Ngân hàng đầu tư và xây dựng nơi cấp vốn, các bên giao thầu, nhận thầu; số lượng bản sao đủ gửi cho các cơ quan liên quan khác.

Điều 8. — Giá giao, nhận thầu xây dựng.

1. Giá giao, nhận thầu thiết kế áp dụng theo bảng giá thiết kế công trình do Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước thống nhất quản lý.

2. Giá giao, nhận thầu khảo sát tính theo dự toán được duyệt. Dự toán này được lập trên cơ sở phương án khảo sát và các định mức, đơn giá khảo sát do Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước thống nhất quản lý.

3. Giá ghi trong hợp đồng giao, nhận thầu xây — lắp được tính toán trên cơ sở: tổng vốn xây — lắp công trình trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật (đối với tổng thầu xây dựng), tổng dự toán xây — lắp công trình (đối với tổng thầu xây — lắp), dự toán hạng mục công trình (đối với nhận thầu trực tiếp hoặc giao thầu lại) được duyệt. Trường hợp thiết kế kỹ thuật đã được duyệt nhưng tổng dự toán chưa hoàn chỉnh thì giá ghi trong hợp đồng tạm lấy theo vốn xây — lắp ghi trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật và được điều chỉnh khi có tổng dự toán được duyệt.

Giá thanh toán hợp đồng được tính theo dự toán hạng mục công trình lập theo thiết kế bản vẽ thi công đề thống nhất giữa bên giao thầu và bên nhận thầu theo quy định về quản lý đơn giá và dự toán của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

4. Giá giao, nhận thầu xây dựng được tính bổ sung những chi phí phát sinh hợp lý và điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi giá cả, tiền lương... theo hướng dẫn thống nhất của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước. Trường hợp giao, nhận thầu xây dựng theo hình thức đấu thầu thì giá trong phương án nhận thầu đã được chọn là giá hợp đồng để thanh toán, chỉ điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi giá cả, tiền lương.

Điều 9. — Dự thảo và ký kết hợp đồng.

1. Bên nhận thầu có trách nhiệm: tiếp nhận đủ hồ sơ ban đầu và lập dự thảo hợp đồng; nộp bản dự thảo cho bên giao thầu trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch.

Bên nhận thầu có quyền từ chối ký hợp đồng nếu bên giao thầu chưa có đủ điều kiện bảo đảm. Trường hợp chưa có đủ điều kiện mà phải ký hợp đồng và triển khai công việc thì bên giao thầu phải thanh toán những chi phí do thiếu điều kiện đó gây nên.

2. Đối với những công trình phải nhập thiết bị toàn bộ, có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp và thời hạn xây dựng dài thì:

— Nếu được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép triển khai công tác chuẩn bị xây dựng công trình trước khi luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt, thì chủ đầu tư được ký hợp đồng thực hiện các công việc đó với các tổ chức nhận thầu.

— Chủ quản đầu tư phải trao đổi với các Bộ, Tổng cục chủ quản xây lắp và

các tỉnh, thành phố liên quan đề kiến nghị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định hình thức giao, nhận thầu xây dựng thích hợp với công trình. Trên cơ sở đó các ngành, các địa phương giải quyết những vấn đề liên quan thuộc trách nhiệm của mình và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc ký kết hợp đồng theo kế hoạch được giao.

— Hợp đồng xây — lắp toàn bộ công trình có thể được ký kết trên những vấn đề chủ yếu đề kịp thời triển khai. Hàng năm hai bên lập và ký kết hợp đồng cụ thể bảo đảm tiến độ được duyệt.

— Công trình có thể được lập đơn giá riêng theo sự hướng dẫn của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước để làm căn cứ điều chỉnh giá ghi trong hợp đồng và để thanh toán. Đối với các hạng mục công trình chưa có đầy đủ thiết kế bản vẽ thi công, hoặc chưa lập xong dự toán thì có thể ký kết hợp đồng cụ thể theo thiết kế và dự toán của các bộ phận thuộc hạng mục công trình được thực hiện trong năm kế hoạch.

— Trách nhiệm và quyền hạn của các bên đối với công xưởng phục vụ xây — lắp, vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị công nghệ, thiết bị thi công nhập theo thiết bị toàn bộ đều phải ghi cụ thể trong hợp đồng theo những quy định trong bản quy chế này.

Điều 10. — Thanh toán.

1. Sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ (hợp đồng, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận và yêu cầu thanh toán của bên giao thầu...) thì khối lượng xây dựng đã hoàn thành, tiền thưởng, phạt và tiền bồi thường thiệt hại... được thanh toán qua Ngân hàng đầu tư và xây dựng.

2. Sau khi các hợp đồng đã được thực hiện đầy đủ, bên giao thầu tổng thanh toán cho bên nhận thầu và kết thúc hợp đồng. Thời hạn tổng thanh toán do hai bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá thời hạn quyết toán của mỗi bên theo quy định Nhà nước.

III. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Điều 11. — *Những trách nhiệm và quyền hạn chung.*

Đối với mọi hình thức giao, nhận thầu xây dựng, chủ đầu tư có những trách nhiệm và quyền hạn chủ yếu sau đây:

1. Về thiết kế dự toán:

— Lập và giao cho tổ chức thiết kế hoặc tổng thầu xây dựng bản yêu cầu thiết kế công trình phù hợp với luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt để làm căn cứ thiết kế.

— Tiếp nhận hồ sơ thiết kế, dự toán, kiểm tra và trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt kèm theo ý kiến của tổ chức nhận thầu.

2. Về kiểm tra chất lượng xây — lắp, nghiệm thu, nhận bàn giao công trình.

— Theo dõi chất lượng vật liệu, cấu kiện, chất lượng xây — lắp để làm cơ sở nghiệm thu công trình.

— Tổ chức công tác nghiệm thu theo đúng quy phạm nghiệm thu các công trình xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước.

www.TimVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
19663999
LawSoft *
19663999

— Nhận bản giao công trình (hoặc hạng mục công trình) đưa vào khai thác cùng với hồ sơ hoàn thành công trình. Trường hợp xây — lắp không đạt yêu cầu về chất lượng, được quyền không ký vào biên bản nghiệm thu hoặc chưa nhận bản giao và yêu cầu xử lý.

3. Về quản lý vốn đầu tư:

— Lập và trình duyệt kế hoạch vốn đầu tư xây dựng công trình, theo dõi thực hiện theo đúng quy định Nhà nước.

— Theo dõi và giải quyết những chi phí phát sinh hợp lý khi thanh toán sản phẩm xây — lắp đã hoàn thành và làm các thủ tục đề xin bổ sung vốn theo các chế độ Nhà nước nhằm bảo đảm đủ vốn thanh toán cho bên nhận thầu.

4. Đối với thiết bị, vật tư và đất xây dựng:

Chủ đầu tư có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện hoặc ủy nhiệm cho tổng thầu xây dựng những công việc sau:

— Theo dõi việc tiếp nhận, chuyên chở vật tư, thiết bị công nghệ (thiết bị toàn bộ và thiết bị lẻ) cho sản xuất, kiểm nhận và ký vào biên bản khi phân giao bảo quản tại công trường và khi mở hòm trước khi lắp đặt vật tư, thiết bị đó.

— Bảo quản những thiết bị công nghệ không phải lắp đặt và những vật tư dự trữ dành cho việc khai thác công trình.

— Giải quyết các thủ tục về giấy phép sử dụng đất và giải phóng mặt bằng xây dựng.

Điều 12. — Những trách nhiệm và quyền hạn khác.

Tùy theo hình thức giao, nhận thầu xây dựng, chủ đầu tư có thêm những trách

nhiệm và quyền hạn, ngoài các quy định ở điều 11, sau đây:

1. Ủy thác cho tổng thầu xây — lắp tiếp nhận, chuyên chở các thiết bị, vật tư nhập theo thiết bị toàn bộ từ cảng đưa đến công trình.

2. Ủy nhiệm cho tổng thầu xây dựng hoặc tổng thầu xây — lắp việc mời và phục vụ chuyên gia nước ngoài (nếu có).

3. Giao hồ sơ thiết kế, dự toán, giao tìm mốc công trình theo yêu cầu của tổng tiến độ và quy phạm xây dựng cho các tổ chức xây — lắp nhận thầu từng phần.

4. Quản lý đề giao dần hoặc giao thẳng một lần cho tổ chức xây — lắp nhận thầu trực tiếp các thiết bị công nghệ phải lắp đặt, vật tư nhập theo thiết bị toàn bộ tương ứng với khối lượng nhận thầu của từng tổ chức đó.

5. Phối hợp với các tổ chức nhận thầu xây — lắp kiểm tra việc thu hồi và xử lý theo chế độ quy định, các tài nguyên, khoáng sản và các tài sản khác thu được trên mặt bằng xây dựng trong quá trình thi công, nộp các sản phẩm thu được khi chạy thử.

6. Ngoài các hợp đồng giao, nhận thầu xây dựng, chủ đầu tư được ký hợp đồng với các tổ chức khác nhờ thực hiện một số công việc thuộc trách nhiệm của mình.

IV. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG THẦU XÂY — LẮP

Điều 13. — Tham gia luận chứng kinh tế — kỹ thuật, thiết kế, dự toán.

1. Tham gia vào các phương án xây dựng của luận chứng kinh tế — kỹ thuật (trường hợp trách nhiệm tổng nhận thầu

xây — lắp đã được chỉ định ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư).

2. Xem xét và thống nhất với chủ đầu tư tổng dự toán xây — lắp công trình trước khi trình duyệt.

3. Xem xét và thống nhất với chủ đầu tư dự toán hạng mục công trình lập theo thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 14. — Chuẩn bị điều kiện cho xây — lắp.

1. Xây dựng các công trình phụ trợ, nhà ở cho công nhân xây — lắp và các công trình công cộng trên toàn công trường.

2. Chuẩn bị vật liệu xây dựng và các điều kiện khác cho xây — lắp kể cả điện, nước, hơi, thông tin liên lạc, đường sá, vận tải... và xin phép khai thác vật liệu tại chỗ (nếu có).

Điều 15. — Đối với thiết bị, vật tư.

1. Nếu năng lực hiện có không đủ đảm nhiệm công việc được giao thì xin Nhà nước đưa vào kế hoạch nhập khẩu thiết bị vật tư. Phải lập đơn hàng và lịch giao hàng nhập khẩu các thiết bị thi công, công xưởng phục vụ xây — lắp, vật liệu xây dựng theo thiết bị toàn bộ và giao cho chủ đầu tư tổng hợp, đặt mua. Tiếp nhận, chuyên chở về công trường, phân giao cho các tổ chức nhận thầu lại (theo phương thức phân giao tài sản) đồng thời chịu trách nhiệm về nguồn vốn và thanh toán các thiết bị, vật tư đó.

2. Cùng với chủ đầu tư kiểm nhận, phân giao bảo quản các thiết bị công nghệ, vật tư — kỹ thuật của công trình ngay khi chuyên chở đến công trường.

— Các thiết bị phải lắp đặt và các loại vật tư dùng cho lắp đặt kèm theo các thiết bị đó, giao cho các tổ chức nhận thầu lắp đặt bảo quản, sử dụng.

— Các thiết bị không phải lắp đặt vào công trình và các loại vật tư, phụ tùng, đồ nghề, phương tiện vận tải... dành cho việc khai thác công trình hoặc làm dự trữ thay thế, thì giao cho chủ đầu tư trực tiếp bảo quản và sử dụng.

3. Chịu trách nhiệm về việc bảo quản các thiết bị, vật tư lắp đặt, sửa chữa và bồi thường nếu đề hư hỏng, mất mát; quyết toán vật tư, và giao lại số vật tư, thiết bị dư thừa ngay khi bàn giao công trình.

Điều 16. — Quản lý quá trình xây — lắp

1. Quản lý thống nhất tổng mặt bằng xây dựng (kể cả việc bảo quản tim, mốc công trình).

Tổng hợp và lập thiết kế biện pháp thi công, kế hoạch tiến độ xây-lắp thống nhất trên toàn công trình và phối hợp điều hành việc thực hiện kế hoạch đó.

2. Tổ chức công tác bảo vệ an ninh, trật tự và an toàn lao động chung trên toàn công trường.

3. Chuẩn bị các điều kiện nghiệm thu và tham gia nghiệm thu công trình theo quy phạm nghiệm thu Nhà nước.

4. Chịu trách nhiệm chính về chất lượng xây — lắp toàn bộ công trình (bao gồm cả phần đã giao thầu lại). Thực hiện chế độ bảo hành công trình theo quy định Nhà nước.

Điều 17. — Đối với tổ chức nhận thầu lại.

1. Giao cho các tổ chức nhận thầu lại các loại hồ sơ kỹ thuật lắp đặt, bản vẽ thi công, mặt bằng xây — lắp của phần giao thầu lại. Số lượng hồ sơ và lịch phải bàn giao, do hai bên thỏa thuận khi ký hợp đồng giao thầu lại.

2. Phân phối đủ nhà ở cho công nhân xây — lắp của các tổ chức nhận thầu lại theo yêu cầu của tổng tiến độ; hoặc phân giao vốn lán trại theo số lượng công nhân, viên chức và thời gian làm việc tại công trường của từng tổ chức nhận thầu lại.

3. Bảo đảm các điều kiện cho công tác xây — lắp của các tổ chức nhận thầu lại theo cam kết trong hợp đồng.

4. Kiểm tra thực hiện khối lượng, chất lượng và dự toán các công tác xây — lắp giao thầu lại. Đòi hỏi các tổ chức nhận thầu lại sửa chữa những sai sót thuộc trách nhiệm của mình trong quá trình xây — lắp cũng như trong thời hạn bảo hành.

5. Nhận bàn giao, trả tiền thưởng và thanh toán sản phẩm xây — lắp đã hoàn thành do các tổ chức nhận thầu lại, sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu.

Điều 18. — Những quyền hạn khác của tổng thầu xây — lắp.

1. Nếu có sáng kiến thay đổi thiết kế, thay thế vật liệu hiếm mà không ảnh hưởng đến yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình, tiến độ thi công và được cơ quan thiết kế, chủ đầu tư chấp nhận thì được hưởng số tiền tiết kiệm được.

2. Được thỏa thuận với chủ đầu tư mua lại những vật liệu, kết cấu do mình tháo dỡ, hoặc khai thác được trên công trường để xây lắp công trình.

3. Được hưởng phụ phí tổng thầu theo định mức do Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước ban hành.

V. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG THẦU XÂY DỰNG

Điều 19. — Trách nhiệm và quyền hạn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng.

1. Tham gia đề xuất những yêu cầu có liên quan đến công tác khảo sát, thiết kế và xây — lắp toàn bộ công trình khi lập và trình duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật trong trường hợp trách nhiệm tổng thầu xây dựng đã xác định rõ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Tiếp nhận yêu cầu thiết kế và luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt làm căn cứ để tự mình thiết kế hoặc giao thầu lại việc thiết kế (bao gồm cả công tác khảo sát) cho các tổ chức xây dựng khác theo chế độ quản lý công tác khảo sát, thiết kế của Nhà nước.

09663399

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

3. Chịu trách nhiệm chính về chất lượng khảo sát, thiết kế, tổng dự toán và dự toán xây-lắp toàn bộ công trình.

4. Thực hiện một số chức trách khác của chủ đầu tư trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng theo sự ủy nhiệm của chủ đầu tư.

Điều 20. — Trách nhiệm và quyền hạn trong chuẩn bị xây - lắp và xây lắp công trình.

Trách nhiệm và quyền hạn của tổng thầu xây dựng trong quá trình chuẩn bị điều kiện cho xây-lắp và xây-lắp toàn bộ công trình được thực hiện như trách nhiệm và quyền hạn của tổng thầu xây-lắp quy định ở các điều 14, 15, 16, 17 và 18 (trừ điểm 1, điều 18 của quy chế này).

VI. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC NHẬN THẦU LẠI VÀ NHẬN THẦU TRỰC TIẾP

Điều 21. — Trách nhiệm của các tổ chức nhận thầu lại.

1. Chuẩn bị thêm các điều kiện cần thiết để thực hiện khối lượng khảo sát, thiết kế hoặc xây-lắp thuộc phần mình nhận thầu lại; tổng vệ sinh mặt bằng, thu dọn vật tư, vật liệu thừa và phế thải thuộc phần mình làm khi kết thúc công việc.

2. Chịu trách nhiệm với bên giao thầu về thực hiện tiến độ, chất lượng, dự toán và sửa chữa những sai sót các phần khối lượng nhận thầu lại trong thời gian bảo hành.

3. Bàn giao đúng hạn cho bên giao thầu những khối lượng công việc nhận thầu lại đã hoàn thành cùng với toàn bộ hồ sơ. Tham gia bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

4. Đối với tổ chức nhận thầu lại xây-lắp, có trách nhiệm:

— Bảo quản thiết bị công nghệ, vật tư-kỹ thuật do mình nhận thầu lắp đặt, chịu trách nhiệm với bên giao thầu nếu để hư hỏng, mất mát.

— Tham gia hiệu chỉnh, chạy thử (không tải và có tải) đồng bộ thiết bị của dây chuyền công nghệ hoặc thử nghiệm tính năng sử dụng của công trình (phần do mình xây-lắp).

Điều 22 — Quyền hạn của các tổ chức nhận thầu lại.

1. Cùng với bên giao thầu tham gia với chủ đầu tư về thiết kế và dự toán phần mình nhận thầu lại.

2. Thỏa thuận với bên giao thầu về thiết kế biện pháp thi công, giá giao thầu lại, kế hoạch tiến độ và điều hành kế hoạch tiến độ đó.

3. Tham gia với tổng thầu lập đơn hàng đặt mua vật tư, thiết bị thi công chuyên dùng nhập theo thiết bị toàn bộ và được nhận các vật tư, thiết bị đó từ tổng thầu theo phương thức phân giao tài sản.

4. Được sử dụng các phương tiện phục vụ của bên giao thầu theo sự phân giao và theo những quy định trong bản quy chế này đối với phần công việc mà mình nhận thầu lại.

Điều 23. — Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức nhận thầu trực tiếp.

1. Các tổ chức nhận thầu trực tiếp có trách nhiệm và quyền hạn như trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức tổng thầu đối với chủ đầu tư trong phạm vi công việc nhận thầu theo bản quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm với các tổ chức thầu lại (nếu có) theo quy định trách nhiệm của tổng thầu với các tổ chức thầu lại trong bản quy chế này.

VII. XỬ LÝ

Điều 24. — Vi phạm chế độ hợp đồng.

Các trường hợp sau đây đều coi là vi phạm chế độ hợp đồng:

— Kéo dài hoặc từ chối việc chuẩn bị và ký hợp đồng khi đã được Nhà nước giao kế hoạch xây dựng cơ bản và các điều kiện bảo đảm khác theo quy định của quy chế này.

— Thực hiện không đầy đủ, đúng hạn những nghĩa vụ và trách nhiệm trong các hợp đồng đã ký.

— Thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng: thay đổi chủ trương đầu tư, địa điểm đặt công trình, tổ chức nhận thầu hoặc cơ quan chủ đầu tư, thời hạn hiệu lực thi hành hợp đồng hoặc một bên tự ngừng việc thi hành hợp đồng.

— Từ chối hoặc kéo dài việc thanh toán mà không có lý do chính đáng.

Điều 25. — Xử lý các vi phạm và tranh chấp.

1. Bên vi phạm hợp đồng phải nộp tiền phạt theo quy định về phạt do vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế của Nhà nước và bồi thường thiệt hại thực tế cho bên cùng ký kết hợp đồng theo sự tính toán và thỏa thuận của hai bên.

2. Những tranh chấp trong quá trình thực hiện chế độ hợp đồng giữa bên giao thầu và nhận thầu do các cơ quan quản lý cấp trên của hai bên giải quyết, trên cơ sở thống nhất với các cơ quan chức năng của Nhà nước về những vấn đề liên quan. Trường hợp không giải quyết được thì các bên được quyền đưa ra Trọng tài kinh tế xử lý. Các tổ chức giao thầu và nhận thầu xây dựng phải chấp hành những quyết định xử lý đó.

VIII. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 26. — Bản quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành và áp dụng thống nhất trong cả nước đối với tất cả các tổ chức quốc doanh và các tổ chức khác được phép kinh doanh xây dựng nhận thầu xây dựng công trình thuộc khu vực quốc doanh và tập thể. Những quy định về giao thầu và nhận thầu xây dựng trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Khuyến khích áp dụng hình thức **tổng thầu** và tiến hành đấu thầu rộng rãi. Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước có trách nhiệm cùng các ngành, địa phương tiến hành thí điểm việc đấu thầu và ban hành quy định về tổ chức đấu thầu đề cụ thể hóa những nguyên tắc trong quy chế này.

Đối với việc giao thầu và nhận thầu xây dựng với nước ngoài, kể cả đối với các liên doanh của nước ta với nước ngoài, thì Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước căn cứ vào các nguyên tắc của quy chế này trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định riêng cho từng đối tượng cụ thể.

Điều 27. — Các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đầy đủ bản quy chế này.

Các cơ quan kế hoạch, tài chính, ngân hàng, cung ứng vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng... theo chức năng và quyền hạn của mình, phải bảo đảm đầy đủ và kịp thời tiền vốn, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng và các điều kiện khác cho chủ đầu tư cũng như trong tổ chức xây dựng thực hiện nghiêm chỉnh các hợp đồng đã ký kết.

Đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước chịu trách nhiệm hướng

dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện bản quy chế này và báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
ĐỖ MƯỜI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC —
ỦY BAN XÂY DỰNG CƠ BẢN
NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ liên bộ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước — Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước số 108-TT/LB, ngày 28-6-1985 hướng dẫn việc sắp xếp lại lực lượng và tổ chức lại sản xuất trong xây dựng theo tinh thần nghị quyết số 166.— HĐBT ngày 15-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về « cải tiến quản lý xây dựng cơ bản ».

Việc sắp xếp lại lực lượng và tổ chức lại sản xuất trong xây dựng đã được đề ra trong nghị quyết đại hội Đảng lần thứ V, trong các nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng và được cụ thể hóa trong chỉ thị số 218-CT ngày 22-8-1983 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Một số ngành và địa phương đã có quyết định sắp xếp lại lực lượng xây dựng. Song còn nhiều ngành và địa phương chưa thực hiện tốt chỉ thị này, do đó gặp nhiều lúng túng, vướng mắc trong việc phát triển và cân đối lực lượng xây dựng.

Gần đây, nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng số 166-HĐBT ngày 15-12-1984 về « Cải tiến quản lý xây dựng cơ bản » đã nêu rõ yêu cầu, nội dung, biện pháp chính sắp xếp lại lực lượng và tổ chức lại sản xuất trong xây dựng.

Đề nhanh chóng triển khai việc sắp xếp lại lực lượng xây dựng gắn chặt với tổ chức lại sản xuất trong xây dựng cơ bản, phục vụ kịp thời kế hoạch Nhà nước năm 1985, chuẩn bị kế hoạch xây dựng cơ bản 1986 — 1990 đạt kết quả thiết thực, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước hướng dẫn chung việc sắp xếp lại lực lượng và tổ chức lại sản xuất trong xây dựng của các ngành và địa phương như sau :

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU CỦA VIỆC SẮP XẾP LẠI LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TRONG XÂY DỰNG

Trong những năm trước mắt việc sắp xếp lại lực lượng và tổ chức lại sản xuất trong xây dựng phải nhằm khắc phục một bước tình hình phân tán, cục bộ, chông chéo để phát triển và củng cố cả ba lực lượng xây dựng của các ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố, huyện, quận và xã, phường, khai thác hết năng lực hiện có của các tổ chức xây dựng, bảo đảm cân đối nhu cầu với năng lực xây dựng trong các khu vực kinh tế, các ngành kinh tế chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện sự phối hợp, liên kết chặt chẽ trên từng địa bàn ở từng công trình trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý giữa các lực lượng xây dựng, tạo thế ổn định cho bước phát triển năng lực xây dựng trong những năm 1986 — 1990 đáp ứng nhu cầu xây dựng ngày càng tăng của nền kinh tế quốc dân và mở rộng hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng.

Quá trình sắp xếp lại lực lượng xây dựng phải gắn liền với tổ chức lại sản xuất, cải